

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình
Đường liên thôn buôn Triết đi buôn Krông, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3198/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình Đường liên thôn buôn Triết đi buôn Krông, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana;

Xét đề nghị của UBND huyện Krông Ana tại Báo cáo số 76/UBND-DA ngày 13/4/2017 và Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 29/3/2017; kết quả thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 563/SGTVT-QLCL ngày 12/4/2017 và Công văn số 03/KQTD-SGTVT ngày 29/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Đường liên thôn buôn Triết đi buôn Krông, xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Krông Ana.

- Địa điểm xây dựng: Xã Dur Kmăl, huyện Krông Ana.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp IV.

- Nhà thầu lập thiết kế - dự toán: Công ty TNHH Tư vấn 77.

2. Quy mô xây dựng:

- Chiều dài tuyến: 9.157,65 m (Trong đó: đoạn Km4+529,87 ÷ Km4+634,18 dài 104,31 m trùng với đường bê tông xi măng đã có, được giữ nguyên).



- Cấp thiết kế: Đường giao thông nông thôn cấp B, vận tốc thiết kế 20 km/h.
- Nền đường rộng 5,0 m; mặt đường rộng 3,5 m; lề rộng 0,75 m mỗi bên.
- Kết cấu mặt đường bê tông xi măng.
- Cống xây dựng vĩnh cửu, tải trọng thiết kế 0,65HL93.
- Hệ thống an toàn giao thông theo quy định.

3. Giải pháp thiết kế:

a) Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang tuyến:

- Bình đồ: Tuyến chủ yếu đi theo đường mòn.
- Trắc dọc: Thiết kế chủ yếu đào, đắp thấp. Độ dốc dọc lớn nhất 7,85%.
- Trắc ngang: Độ dốc ngang mặt đường 2%; lề đường 4%. Mái dốc ta luy nền đào 1/1; ta luy nền đắp 1/1,5.

b) Nền, mặt đường và lề đường:

- Nền đường đào xử lý, lu lèn đạt độ chặt $K_{yc} \geq 0,95$. Nền đường đắp đầm chặt $K_{yc} \geq 0,90$; riêng lớp trên cùng dày 30cm $K_{yc} \geq 0,95$.
- Kết cấu mặt đường gồm các lớp:
 - + Bê tông xi măng mác 250 đá 1x2 dày 16 cm.
 - + Giấy dầu 1 lớp.
 - + Móng cấp phối đá dăm loại II ($D_{max} = 37,5$ mm) dày 12 cm.
- Lề đường đắp đất cấp 3, $K_{yc} \geq 0,95$.
- Riêng đoạn từ Km0 ÷ Km0+84,4: Gia cố lề như kết cấu mặt đường và xây dựng bó vỉa hai bên bằng bê tông mác 250 đá 1x2 (do mặt bằng nhà dân ở ổn định hai bên không xây dựng được rãnh dọc).

c) Công trình thoát nước:

- Cống bản $L_0=80$ cm, cống tròn $\Phi 80$ cm và $\Phi 100$ cm: Kết cấu tấm bản, ống cống bằng bê tông cốt thép mác 200 đá 1x2; tường đầu, tường cánh, thân, móng cống, sân cống bằng bê tông mác 150 đá 2x4; bê tông rải mặt cống bản mác 250 đá 0,5x1; đắp hoàn thiện cống bằng đất cấp 3, $K_{yc} \geq 0,95$.
- Cống hộp (300x300) cm tại Km6+792,45 (thay thế cống cũ $L_0=300$ cm bị hư hỏng): Kết cấu thân cống bằng bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2; móng cống, tường cánh, sân cống bằng bê tông mác 150 đá 2x4; bản vượt lắp đặt hai bên cống bằng bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2; đắp hoàn thiện cống bằng đất cấp 3, $K_{yc} \geq 0,95$.

- Rãnh dọc: Tiết diện hình thang, kích thước đáy rộng 0,4 m, sâu 0,4 m; mái ta luy phía trong 1/1,5, phía ngoài 1/1. Riêng đoạn từ Km0+84,4 ÷ Km0+256 gia cố hai bên thành rãnh bằng tấm lát bê tông xi măng mác 200 đá 1x2, đáy bằng bê tông mác 150 đá 2x4 đổ tại chỗ.

d) Hệ thống an toàn giao thông:

Xây dựng hệ thống an toàn giao thông trên tuyến theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2016/BGTVT, gồm cọc tiêu, biển báo.

4. Khối lượng xây lắp chủ yếu:

- Đào đất nền đường	:	34.818 m ³
- Đất đắp nền, lề đường	:	45.103 m ³
- Bê tông xi măng mác 250 mặt đường	:	5.375 m ³
- Cấp phối đá dăm móng đường	:	4.593 m ³
- Khe co, dẫn mặt đường	:	8.005 m
- Bê tông xi măng mác 250 bó vỉa	:	15 m ³
- Cống Lo=80 cm	:	17/132 cái/m
- Cống Φ80 cm	:	18/142 cái/m
- Cống Φ100 cm	:	1/6 cái/m
- Cống hộp (300x300) cm	:	1/5,6 cái/m
- Rãnh dọc lát tấm bê tông xi măng	:	308 m
- Cọc tiêu bê tông cốt thép	:	511 cái
- Biển báo các loại	:	59 bộ

5. Giá trị dự toán : 24.954.145.000 đồng

(Hai mươi bốn tỷ, chín trăm năm mươi bốn triệu, một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	20.522.477.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	523.482.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	1.596.985.000 đồng
- Chi phí khác	:	1.239.822.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	1.071.379.000 đồng

Điều 2. UBND huyện Krông Ana (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại Điều 1 Quyết định này và quản lý đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Krông Ana và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / .*TTH*

Nơi nhận: *ĐS*

- TT UBND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT- CN (T.12)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Hà